

Số: /KH-UBND

Vinh Phúc, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân Vinh Phúc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Vinh Phúc (Khóa XVI) đã ra Nghị quyết số 12-NQ/TU về nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân Vinh Phúc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và đưa các nội dung của Nghị quyết vào cuộc sống trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 12-NQ/TU, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân Vinh Phúc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 12-NQ/TU) tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ rệt về nhận thức, hành động của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, người lao động và nhân dân trong việc nâng cao thu nhập và phúc lợi người dân Vinh Phúc; đặc biệt là nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân.

2. Xác định toàn diện các nhiệm vụ chủ yếu, cụ thể, khả thi, phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành để Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Tỉnh ủy;

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình phù hợp và quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả.

4. Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện trên tất cả các lĩnh vực; Sơ kết, tổng kết thực tiễn, kịp thời phát hiện, đề xuất bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp mới nhằm thực hiện thành công Nghị quyết.

5. Thực hiện các mục tiêu:

5.1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao thu nhập và phúc lợi cho người dân trong tỉnh. Tập trung phát triển sản xuất, trọng tâm là phát triển công nghiệp- dịch vụ, nâng cao thu nhập của nhân dân thông qua giải quyết việc làm, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh; khơi thông nguồn lực, tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh thông thoáng, thuận lợi. Thực hiện giải quyết việc làm cho người lao động, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn với phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy tinh thần khởi nghiệp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp an sinh xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá - thể thao, tăng mức cung ứng các dịch vụ cơ bản và phúc lợi xã hội để tăng mức hưởng thụ và nâng cao chất lượng cuộc sống, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đảm bảo đa số người dân có việc làm bền vững, người dân được bình đẳng tiếp cận, thụ hưởng hệ thống các dịch vụ xã hội của tỉnh về y tế, giáo dục đào tạo, giao thông vận tải, văn hóa, thể thao, thông tin, cung cấp điện, nước sinh hoạt, nhà ở, môi trường,...

5.2. Phân đầu đạt các mục tiêu cụ thể:

- Phân đầu đến hết năm 2025:

+ Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt khoảng 80-85,0 triệu đồng/người;

+ Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 40 giường;

+ Tuổi thọ bình quân của người dân đạt 75 tuổi;

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường ở khu đô thị và khu vực nông thôn đạt 100%;

+ Các đô thị đều có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Phân đầu đến hết năm 2030:

+ Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt khoảng 130-135,0 triệu đồng/người;

+ Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 45 giường;

+ Tuổi thọ bình quân của người dân đạt 76 tuổi.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các nhiệm vụ chung:

1.1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng về Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Tỉnh ủy

- Các Sở, ban, ngành tổ chức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình toàn văn Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Tỉnh ủy về nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân Vĩnh Phúc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- UBND cấp huyện tổ chức quán triệt Nghị quyết đến các phòng, ban chuyên môn, đoàn thể cấp huyện, Bí thư, Chủ tịch UBND cấp xã; Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh có trách nhiệm quán triệt, phổ biến Nghị quyết đến cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan mình; Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, Hội Phụ nữ, Tỉnh đoàn Thanh niên, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh, Hội Nữ doanh nhân tỉnh,... phổ biến Nghị quyết tới hội viên và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức, phù hợp; làm cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, thấy rõ những thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh ta đã đạt được; nhận thức đúng đắn các quan điểm, chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đối với việc nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân Vĩnh Phúc.

1.2. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Trong đó, tập trung rà soát, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách thuộc ngành, lĩnh vực theo dõi, phụ trách phù hợp theo quy định hiện hành nhằm sử dụng hiệu quả và phát huy tối đa các nguồn lực trong và ngoài tỉnh để thực hiện phát triển kinh tế xã hội nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết.

1.3. Thực hiện đăng tải trên cổng thông tin điện tử của các sở, ngành thông tin hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hỗ trợ phát triển hộ kinh doanh để cung cấp thông tin kịp thời về các chính sách hỗ trợ của nhà nước, của tỉnh cho người dân/doanh nghiệp có nhu cầu tìm hiểu. Tổ chức bộ phận chuyên trách để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ quy trình/thủ tục cho người dân/doanh nghiệp tiếp cận các chương trình/chính sách hỗ trợ này. Xây dựng hệ dữ liệu lớn về tình hình phát triển kinh tế- xã hội phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và tìm hiểu thị trường của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

1.4. Rà soát các điều kiện đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho nhà đầu tư/doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm thông tin thông suốt, minh bạch; giải quyết kịp thời những vướng mắc của nhà đầu tư/doanh nghiệp trong quá trình thành lập và triển khai dự án; Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Các nhiệm vụ giải pháp cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả thu hút đầu tư của tỉnh so với các địa phương khác đối với các ngành, lĩnh vực theo định

hướng phát triển của tỉnh; Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

(2) Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư; Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư các ngành, lĩnh vực có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Tăng cường giới thiệu, quảng bá, xúc tiến, thu hút các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, trong và ngoài tỉnh triển khai dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Trong đó, chú trọng thu hút các dự án đầu tư có chọn lọc theo hướng ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, sản phẩm xuất khẩu;

(3) Tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Trung ương và của tỉnh ban hành để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững.

(4) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng mạnh mẽ việc thực hiện các thủ tục hành chính về Đăng ký doanh nghiệp qua môi trường mạng; tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn để mọi người dân của tỉnh phát huy sức sáng tạo, dám lập nghiệp và khởi nghiệp từ nông thôn đến thành thị tự giác, tự đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh để làm giàu cho bản thân và xã hội.

(5) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh (Đặc biệt là phát triển khu vực kinh tế tư nhân). Chú trọng phát triển hệ thống các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh trở thành các doanh nghiệp có quy mô lớn, quy mô vừa, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp tinh có lợi thế phát triển. Phấn đấu đến 2025 có khoảng 15.000 doanh nghiệp được thành lập, đây là một trong những giải pháp chính để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập người dân.

(6) Đẩy mạnh hỗ trợ kết nối, liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp của tỉnh với các doanh nghiệp FDI trong việc cung cấp sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp nội tỉnh tiếp cận các chuỗi cung ứng ngoại tỉnh. Hỗ trợ nâng cấp, phát triển một bộ phận doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh có trình độ, năng lực sản xuất, kỹ năng phù hợp đáp ứng tiêu chuẩn theo yêu cầu của các tập đoàn đa quốc gia; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Từng bước hình thành các doanh nghiệp có vai trò định hướng, dẫn dắt các doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh phát triển.

(7) Tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công, nhằm tập trung nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư về hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh để kịp thời phát huy hiệu quả đầu tư, nhất là đối với các dự án đầu tư có tác động lớn thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động.

(8) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nước sạch nông thôn, nhằm cải thiện cơ bản tình trạng sử dụng nước sinh hoạt của dân cư.

(9) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị của tỉnh quán triệt việc triển khai Nghị quyết vào thời điểm thích hợp. Thành phần gồm: Lãnh đạo UBND tỉnh; Lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể; Bí thư và Chủ tịch các huyện, thành phố; Lãnh đạo các hội, hiệp hội trong tỉnh; lãnh đạo các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh;

2.2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các thành quả cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để người dân, doanh nghiệp nắm bắt và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả trong phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

(2) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; Trong đó, ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào quá trình thực hiện tái cơ cấu kinh tế, phát triển đô thị thông minh.

(3) Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ. Tăng cường ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất và đời sống, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động để giảm dần tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, đồng thời nâng cao thu nhập cho người lao động;

(4) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh;

(5) Nghiên cứu, đánh giá về trình độ ứng dụng khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tập trung đánh giá trình độ ứng dụng khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình sản xuất kinh doanh, để tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ vào quá trình sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi phát triển bền vững trước những thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2.3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách tiếp tục thu hút phát triển mạnh sản xuất công nghiệp để công nghiệp tiếp tục là động lực cho sự phát triển của tỉnh. Phát triển nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, gồm: Công nghệ cơ khí lắp ráp ô tô, xe máy; điện tử, linh kiện điện tử,... Khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu có chất lượng cao, chiếm thị phần lớn trên thị trường.

(2) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách tập trung, ưu tiên thu hút phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các ngành dịch vụ có hàm lượng khoa học và công nghệ mang lại giá trị gia tăng cao; Nghiên cứu, đề xuất đầu tư, mô hình quản lý phát triển hệ thống kho bãi phục vụ cho trung chuyển hàng hóa và phát triển dịch vụ logistic trên địa bàn tỉnh.

(3) Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng các Cụm Công nghiệp đã được quy hoạch theo quy định của pháp luật. Tạo quỹ đất cho các nhà đầu tư có mặt bằng thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh, nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư.

(4) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế chính sách tiếp tục thu hút đầu tư phát triển hệ thống trung tâm thương mại, mạng lưới siêu thị, trung tâm bán buôn, chợ theo hướng văn minh, hiện đại và theo quy hoạch. Phân bố hợp lý mạng lưới cơ sở dịch vụ, nhất là mạng lưới siêu thị, cửa hàng tự chọn, mạng lưới chợ,...trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích thu hút các loại hình dịch vụ sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất là ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong dịch vụ, như tự động hóa trong dịch vụ,...

(5) Tiếp tục thực hiện nâng cấp, mở rộng đảm bảo cung cấp điện quốc gia tới tất cả các khu vực, địa bàn của tỉnh đáp ứng nhu cầu sử dụng điện lưới và đảm bảo chất lượng điện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt của dân.

(6) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển về công nghiệp nông thôn, chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, coi đây là một trong những giải pháp chính để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc làm cho người lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp, nâng cao thu nhập người dân. Phấn đấu năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 50.000 hộ kinh doanh cá thể được cấp mã số thuế và hoạt động.

(7) Tăng cường hoạt động có hiệu quả các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp phát triển bền vững, giải quyết việc làm triệt để tại các khu vực nông thôn.

(8) Đổi mới và nâng cao hiệu quả và vai trò của nhà nước trong việc hướng dẫn, cung cấp thông tin kịp thời cho người dân và doanh nghiệp về các hoạt động sản xuất dựa theo nhu cầu và tín hiệu của thị trường, để người dân và doanh nghiệp biết thực hiện sản xuất kinh doanh.

(9) Tăng cường và thực hiện hiệu quả công tác xúc tiến thương mại nhằm đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến thị trường tiêu thụ các tỉnh/thành phố trong cả nước, đến các nước trong khu vực và quốc tế; Nhằm tìm kiếm, khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa cho doanh nghiệp để thúc đẩy mạnh mẽ tiêu dùng sản phẩm hàng hóa của địa phương: Sản phẩm nông nghiệp, hàng tiểu thủ công nghiệp, đồ thủ công mỹ nghệ,...

2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Rà soát, tham mưu UBND tỉnh cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, trong đó, chú trọng chính sách thúc đẩy xã hội hóa giáo dục để thành lập các trường tư thục chất lượng cao tại Vĩnh Phúc, đáp ứng nhu cầu học tập của một bộ phận người dân có thu nhập cao;

(2) Tổ chức lại mạng lưới giáo dục đủ khả năng bao phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân tiếp cận giáo dục đạt mức độ tối đa, đảm bảo 100% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông có đi học phổ thông; Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết cao hơn mức bình quân của vùng Đồng bằng Sông Hồng vào các năm 2025 và 2030. Ưu tiên chi đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống trường lớp, các trang thiết bị giảng dạy và học tập, hệ thống phòng thí nghiệm, các mô hình trải nghiệm học tập và sinh hoạt văn hóa cho học sinh, v.v... Để phấn đấu đến năm 2030, 100% học sinh hoàn thành trung học phổ thông và tốt nghiệp với các kỹ năng phù hợp, mọi người dân có thể tiếp cận các loại hình giáo dục chất lượng cao.

(3) Phát triển giáo dục, đào tạo gắn với phát triển khoa học và công nghệ theo nhu cầu của thị trường lao động, bảo đảm phù hợp theo yêu cầu phát triển và điều kiện của tỉnh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

(4) Tiếp tục triển khai chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho các học sinh học giỏi hay các tài năng đặc biệt. Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách sách tín dụng học sinh, sinh viên để hỗ trợ tạo điều kiện cho các học sinh, sinh viên có điều kiện kinh tế khó khăn được đảm bảo học hành đầy đủ;

(5) Tham mưu UBND tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền ban hành mức thu học phí hợp lý để thực hiện hỗ trợ toàn bộ hoặc hỗ trợ một phần chi phí cho học sinh, đặc biệt là học sinh có hoàn cảnh khó khăn, người dân tộc.

(6) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh theo Quyết định số 522/QĐ-TTg và Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh; Đồng thời, nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục để đào tạo cho học viên có trình độ chuyên môn, kỹ thuật có khả năng cạnh tranh về trình độ, kỹ năng với lực lượng lao động của các địa phương trên cả nước để có việc làm bền vững và ổn định thu nhập, mặt khác góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có chuyên môn kỹ thuật của tỉnh.

2.5. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách xã hội hóa một số hoạt động y tế, trong đó có đầu tư xây dựng các bệnh viện, trung tâm kỹ

thuật cao, đầu tư trang thiết bị y tế, khám chữa bệnh theo yêu cầu...để huy động các nguồn lực đầu tư cho y tế, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ phòng bệnh, khám chữa bệnh, nhất là hệ thống các bệnh viện chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế góp phần nâng cao tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 40 GB vào năm 2025 và đạt 45 GB vào năm 2030. Kịp thời cập nhật những chủ trương, định hướng mới về xã hội hóa, nhằm đẩy mạnh xã hội hóa trong xây dựng hệ thống bệnh viện, đầu tư trang thiết bị y tế đồng bộ, hiện đại phục vụ khám chữa bệnh, nghỉ dưỡng.

(2) Tham mưu UBND tỉnh tăng cường đầu tư các nguồn lực cho y tế dự phòng, triển khai thực hiện tốt công tác phòng bệnh, kịp thời ngăn chặn, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tiếp tục triển khai tốt các chương trình mục tiêu Y tế-Dân số: công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét, các bệnh không lây nhiễm; duy trì vững chắc hệ thống tiêm chủng; đảm bảo ATVSTP; phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi.

(3) Thực hiện có hiệu quả công tác đầu tư nâng cao chất lượng hệ thống y tế để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và đáp ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân. Xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực ngành y hợp lý giữa bác sỹ - y sỹ - hộ lý và nhân viên; Đãi ngộ, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực y tế đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh để nâng tỷ lệ bác sỹ/vạn dân đến năm 2025 đạt 15 bác sỹ/vạn dân và 17 bác sỹ/vạn dân vào năm 2030. Hình thành mạng lưới y tế đồng bộ, chất lượng cao ở tất cả các tuyến.

(4) Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh, phát triển các kỹ thuật chuyên sâu; tăng cường công tác đào tạo cán bộ y tế, đảm bảo cơ cấu nhân lực hợp lý, chất lượng; phát triển y tế cơ sở gắn với nguyên lý y học gia đình tại trạm y tế xã, tăng cường triển khai quản lý sức khỏe toàn dân, khuyến khích phát triển mô hình bác sỹ gia đình, phấn đấu đến năm 2025 đạt 100% dân số được quản lý sức khỏe.

(5) Tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh tiếp tục ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho người dân giai đoạn 2021-2025 để thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh; thực hiện giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế, Bộ Tài chính.

(6) Tham mưu UBND tỉnh triển khai các chính sách đảm bảo nâng cao chất lượng dân số để đảm bảo đến năm 2025 đạt: Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin theo quy định đạt 99%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng/tuổi giảm xuống dưới 7%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi xếp ở top có chỉ số tốt nhất vùng Đồng bằng Sông Hồng; Tuổi thọ bình quân của người dân đạt 75 tuổi; Đến năm 2030 đạt: Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin theo quy định đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng/tuổi giảm xuống dưới 5%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi xếp ở top có chỉ số tốt nhất vùng Đồng bằng Sông Hồng. Giảm tỷ lệ tử vong của bà mẹ xuống dưới 0,7‰/ca sinh; chấm dứt các trường hợp tử vong có

thể phòng ngừa của trẻ sơ sinh và trẻ em dưới năm tuổi. Tuổi thọ bình quân của người dân đạt 76 tuổi.

2.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn. Trong đó, tập trung thực hiện mục tiêu Xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 đạt: 100% số huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Trong đó, có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định của Trung ương. Có ít nhất 40% số xã trong toàn tỉnh đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao và 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo chuẩn quy định giai đoạn 2021-2025; Đến hết năm 2030: Có ít nhất 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định của Trung ương. Có ít nhất 60% số xã trong toàn tỉnh đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao theo quy định giai đoạn 2026-2030 và 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo chuẩn quy định giai đoạn 2026-2030.

(2) Triển khai cơ chế, chính sách đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và an toàn sinh học; Xây dựng vùng nông sản tập trung gắn với cấp mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm, đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng (VietGAP, GlobalGap) và truy xuất nguồn gốc đối với tất cả các sản phẩm nông nghiệp.

(3) Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ hàng hóa nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tăng cường đầu tư cho khâu bảo quản và chế biến nông sản; Tăng cường kỹ năng chuyên môn hóa và phân công, hợp tác sản xuất để tăng năng suất và năng lực cạnh tranh; thúc đẩy liên kết các chuỗi cung ứng.

(4) Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh từng bước hình thành hệ thống trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm nông sản, gắn với các chợ đầu mối. Nghiên cứu, tạo điều kiện phát triển Trung tâm sau thu hoạch và Trung tâm giao dịch nông sản.

(5) Tiếp tục phát triển các sản phẩm thế mạnh của từng địa phương, gắn với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; Khuyến khích người dân ưu tiên tiêu dùng hàng hóa được sản xuất trong tỉnh (trừ các hàng hóa tỉnh không sẵn có hoặc không có lợi thế so sánh), nhất là các sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp nhằm nâng cao thu nhập cho người dân theo hướng bền vững.

(6) Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bền vững; khai thác giá trị kinh tế các sản phẩm có tính đặc thù của địa

phương. Triển khai có hiệu quả công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với thực tế, gắn với thị trường tiêu thụ; Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, nhất là công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường sinh thái.

(7) Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể và hộ kinh doanh cá thể, coi đây là một trong những giải pháp chính để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập người dân. Tập trung hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống, các nghề mới; Tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tập thể ở nông thôn phát triển; Phát triển kinh tế hộ, trang trại, các ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn, phát huy vai trò tự chủ của nông dân trong sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các hộ kinh doanh nông, lâm nghiệp thủy sản tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng quy mô nhỏ phục vụ mục tiêu, nhu cầu sản xuất kinh doanh và phát huy đồng vốn một cách hiệu quả.

(8) Tăng cường hoạt động có hiệu quả các hoạt động khuyến nông, trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững, năng suất cao, góp phần nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm triệt để tại các khu vực nông thôn.

(9) Tham mưu UBND tỉnh chính sách đặc thù của tỉnh về cung cấp dịch vụ nước sạch cho người dân, nhất là người dân ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh đầu tư hoàn chỉnh các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân. Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nhằm cải thiện cơ bản tình trạng sử dụng nước sinh hoạt của dân cư. Phân đầu đến năm 2025, có 70% hộ nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn 02/BYT.

(10) Tham mưu UBND tỉnh chế tài xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức vi phạm chất lượng hàng hóa nông nghiệp làm ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng và uy tín của người sản xuất.

2.7. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về văn hóa, đảm bảo xây dựng và phát triển môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Xây dựng chuẩn mực và thực hành các quy tắc gia đình văn hóa và tạo dựng lối sống lành mạnh trong các khu dân cư, các làng - xã, các gia đình. Phát hiện kịp thời, ngăn chặn, xử lý, loại bỏ các biểu hiện văn hóa kém lành mạnh, đặc biệt là các biểu hiện lệch lạc về nhận thức và định hướng giá trị trong giới trẻ.

(2) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, hỗ trợ đầu tư các thiết chế văn hóa - thể thao ở cơ sở nhằm tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư, huy động nguồn vốn xã hội hóa cho đầu tư phát triển thiết chế văn hóa - thể thao ở cơ sở phục vụ phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng dân cư.

(3) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách: Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư, huy động nguồn vốn xã hội hóa cho đầu tư phát triển các khu, điểm du lịch theo định hướng phát triển của tỉnh, các công trình văn hoá, phúc lợi kết hợp với hoạt động du lịch; Hỗ trợ cho đội ngũ văn nghệ sỹ; Hỗ trợ chế độ đãi ngộ đối với nghệ nhân lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các câu lạc bộ dân ca tiêu biểu tỉnh; Cơ chế đầu tư các làng văn hóa - du lịch, các loại hình nghỉ dưỡng, du lịch mới, nhằm tạo nguồn thu ổn định cho người dân làm du lịch trên địa bàn tỉnh.

(4) Tiếp tục triển khai dự án Khu Liên hợp thể thao tỉnh; Tập trung nguồn lực sớm hoàn thành dự án khu đào tạo vận động viên của tỉnh. Tiếp tục xây dựng các thiết chế văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng đầu tư xây dựng các khu/điểm vui chơi giải trí công cộng cho người dân đảm bảo có không gian vui chơi, rèn luyện sức khỏe và an toàn. Thực hiện quy hoạch và từng bước xây dựng để phần đầu mỗi thôn có một công viên quy mô nhỏ hoặc vườn hoa, khu vui chơi cộng đồng.

(5) Triển khai có hiệu quả công tác truyền thông, giới thiệu, tăng cường quảng bá hình ảnh của tỉnh Vĩnh Phúc, nhằm thu hút các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương tổ chức các sự kiện quan trọng trên địa bàn tỉnh, qua đó khuyến khích thu hút du khách đến chi tiêu tại địa phương.

(6) Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách nhằm phát triển, nâng cao đời sống văn hóa - tinh thần cho nhân dân các xã, thị trấn thuộc miền núi và các xã, thị trấn nông thôn không thuộc miền núi trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. Trong đó đặt mục tiêu: Người dân được thụ hưởng, thưởng thức nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp từ 02 đêm diễn/xã, thị trấn/năm.

2.8. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và đẩy mạnh việc thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư nhà máy xử lý nước thải, rác thải có công nghệ hiện đại, đạt tiêu chuẩn theo quy định để xử lý nước thải, rác thải tại các khu vực đô thị và nông thôn; Nâng cao chất lượng môi trường sống tại các khu vực đô thị, khu vực nông thôn nhất là tại các khu vực làng nghề,...

(2) Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; phát hiện ngăn chặn, xử lý kịp thời đối với các vi phạm về bảo vệ môi trường. Kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi các khu dân cư, thậm chí có thể cưỡng chế đối với các cơ sở sản xuất đang gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường.

(3) Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục bố trí nguồn ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống cống rãnh thoát nước ở các khu dân cư và đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, xử lý ô nhiễm môi trường ở các lưu vực, hồ, ao, đầm. Tăng tỷ lệ cây xanh ở các thành phố, khu đô thị, khu/cụm công nghiệp, các tuyến phố,...

(4) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích tập trung, tích tụ ruộng đất, dồn điền, đổi thửa để đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp; Tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện tích tụ tập trung ruộng đất để cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển các vùng chuyên canh, quy mô lớn. Trong đó, tập trung xử lý một số điểm nghẽn để nâng cao hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp về tích tụ ruộng đất, chuyển đổi đất đai và giải phóng mặt bằng.

(5) Tham mưu UBND tỉnh trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025, nhằm bố trí đủ diện tích đất phục vụ cho doanh nghiệp thuê làm mặt bằng để hoạt động sản xuất kinh doanh.

(6) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác Đo đạc lại, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với các địa phương có sự biến động lớn về đất đai như Thành phố Vinh Yên, huyện Bình Xuyên và huyện Tam Đảo. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho người dân và doanh nghiệp, để người dân, doanh nghiệp có điều kiện sử dụng làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng hoặc góp vốn vào các dự án đầu tư. Đến năm 2025 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt trên 95%.

(7) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và đẩy mạnh việc thực hiện các cơ chế, chính sách bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn tài nguyên nước, tài nguyên đất và không khí, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp trong việc ứng dụng, thực hành các tiêu chuẩn sản xuất xanh, thân thiện môi trường. Tích cực phổ biến, tuyên truyền vận động nhân dân tạo sự đồng thuận của người dân đối với công tác bảo vệ môi trường, nhất là trong việc xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung.

2.9. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Rà soát số lượng, chất lượng các tài sản công của nhà nước có sử dụng liên kết, hợp tác đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; Thúc đẩy việc liên kết, hợp tác với tư nhân trong việc khai thác có hiệu quả các tài sản công của nhà nước theo quy định của pháp luật về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư nhằm phát huy hiệu quả đầu tư và nâng cao thu nhập cho người lao động.

(2) Chủ động cân đối bố trí các nguồn lực do Sở Tài chính theo dõi, quản lý để thực hiện Nghị quyết.

2.10. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 20/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ tri thức và trọng dụng nhân tài tỉnh Vĩnh Phúc.

(2) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Đề án số 01-ĐA/TU ngày 30/11/2016 của Tỉnh ủy về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị tỉnh 9 Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021; Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 08/12/2016 của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU ngày 30/11/2016, góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả bộ máy quản lý, điều hành các cấp nhằm xây dựng một chính quyền phục vụ nhân dân, vì nhân dân.

(3) Xây dựng Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức đối với tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

2.11. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cơ chế chính sách về đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; Trong đó, quy định chính sách hỗ trợ chi phí sử dụng điện, nước cho các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, v.v... Đảm bảo vừa hỗ trợ, vừa khuyến khích nỗ lực vươn lên của các đối tượng thụ hưởng, khắc phục sự ỷ lại vào nhà nước. Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về chính sách an sinh xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân tại địa phương để người dân có thể truy cập dễ dàng.

(2) Tham mưu UBND tỉnh triển khai công tác đào tạo nghề gắn với thị trường lao động, việc làm bền vững, đẩy mạnh đào tạo lao động theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp, từng bước chú trọng đào tạo lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh việc đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh và các đối tượng chính sách khác, gắn đào tạo với giải quyết việc làm bền vững.

(3) Tiếp tục tăng nguồn vốn tín dụng giảm nghèo, đổi mới phương thức cho vay, đẩy mạnh trợ giúp người nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích người dân đầu tư xây dựng sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đồng thời tạo việc làm đầy đủ, với năng suất và việc làm tốt cho người lao động. Giảm thiểu tối đa tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm.

(4) Đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin cung - cầu lao động, nhằm kịp thời kết nối thông tin giữa nhà tuyển dụng đến người lao động có nhu cầu việc làm nhanh chóng, thuận tiện. Đồng thời, tiếp tục thực hiện chính sách xuất khẩu lao động ra các nước trong khu vực. Tăng cường thực hiện hỗ trợ người lao động tìm việc làm phù hợp với trình độ, ngành nghề chuyên môn, độ tuổi; hỗ trợ các nhà đầu tư đầu tư trên địa bàn tỉnh tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động là người địa phương.

(5) Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp. Nâng cao chất lượng, năng lực các cơ sở đào tạo, cơ sở đào tạo nghề, các trung tâm dịch vụ việc làm gắn với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, để

người lao động có cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập; đồng thời, có chính sách tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động yếu thế, lao động lớn tuổi, lao động bị mất việc làm do tác động của khoa học công nghệ 4.0, tác động của hội nhập.

(6) Tăng cường quản lý, giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động nhằm cải thiện điều kiện, môi trường lao động cho người lao động trong doanh nghiệp, đảm bảo môi trường an toàn cho người lao động đồng thời tạo động lực, khuyến khích lao động hiệu quả, sáng tạo. Thực hiện kịp thời và hiệu quả các biện pháp để ngăn chặn giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn lao động ép buộc, lao động trẻ em.

(7) Tăng cường năng lực quản lý và giám sát việc thực hiện các quy định về pháp luật lao động nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 để nâng cao ý thức chấp hành, thực hiện quy định của pháp luật lao động; góp phần giảm thiểu tranh chấp lao động, các vấn đề phức tạp phát sinh trong quan hệ lao động; đảm bảo an ninh chính trị và nâng cao môi trường đầu tư của tỉnh.

(8) Tham mưu kiện toàn Hội đồng trọng tài lao động tỉnh, hệ thống hòa giải viên lao động để thực hiện giải quyết tranh chấp lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động cá nhân theo quy định của pháp luật lao động. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nắm bắt, hỗ trợ kịp thời người lao động, người sử dụng lao động giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quan hệ lao động, hạn chế tối đa hiện tượng ngừng việc, đình công không đúng quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh, đảm bảo an ninh chính trị và nâng cao môi trường đầu tư của tỉnh.

(9) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy sự tham gia của người dân vào hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện bên cạnh bảo hiểm bắt buộc của nhà nước. Hướng dẫn người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ quyền lợi liên quan đến chế độ bảo hiểm cho người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm và Luật An toàn, vệ sinh lao động; trong đó, đặc biệt chú trọng đến bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Tăng cường phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Phân đấu hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện theo Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 31/8/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

(10) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách tiếp tục thực hiện hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các đối tượng chính sách, người nghèo,

người có công với cách mạng, người già neo đơn.

2.12. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu với UBND tỉnh về phát triển đô thị, nhà ở đảm bảo đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Phân đấu đến năm 2025, diện tích nhà ở bình quân đạt 30 m² sàn/người và năm 2030 đạt 35 m² sàn/người; Đến năm 2025 tỷ lệ dân số đô thị đạt 50%.

(2) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực, tập trung đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo hướng đồng bộ, hiện đại.

(3) Tiếp tục cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bình Xuyên - khu vực lõi của Đô thị Vĩnh Phúc; tiếp tục xây dựng Nhà máy nước Đức Bác, nhà máy nước sông Hồng, nhà máy nước Sông Lô;... phân đấu đến năm 2025 dân số đô thị (thành phố, thị xã, thị trấn) được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 80%.

2.13. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh chính trị. Chủ động nắm bắt, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình tại từng địa bàn phát sinh phức tạp về an ninh tôn giáo, an ninh xã hội, địa bàn triển khai các dự án của tỉnh, tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp, phối hợp các ngành chỉ đạo giải quyết, không để hình thành “điểm nóng”. Phối hợp với các ngành phát hiện, tháo gỡ sớm các vụ việc có dấu hiệu đình công, lãn công.

(2) Kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên về trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở. Thực hiện các giải pháp kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, phân đấu hàng năm điều tra làm rõ đạt 75% trở lên số vụ phạm pháp hình sự, 95% trở lên các vụ trọng án; không để hình thành tội phạm có tổ chức; tội phạm “bảo kê”, siết nợ, đòi nợ thuê, cho vay nặng lãi; tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”, không để tội phạm hoạt động lộng hành, gây bức xúc trong nhân dân. Đấu tranh có hiệu quả với tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng, môi trường, tội phạm công nghệ cao; tội phạm về ma túy, tệ nạn đánh bạc, không để hình thành các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội.

(3) Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về trật tự, an toàn xã hội, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Chú trọng triển khai các giải pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, góp phần kiềm chế tai nạn giao thông. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Có các hình thức, biện pháp đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; quan tâm xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến ở địa bàn cơ sở; có các hình thức động viên khuyến khích để nâng cao chất lượng các hình thức tự quản, tự phong, tự bảo vệ,

tự hòa giải ngay tại cơ sở và củng cố lực lượng bán chuyên trách làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở.

2.14. Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tiếp tục huy động các nguồn lực đẩy mạnh đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, đến năm 2025 thực hiện khép kín các đường vành đai 1,2,3, triển khai giai đoạn 2 Vành đai 4, xây dựng Vành đai 5; đầu tư xây dựng và hoàn thiện các trục đường hướng tâm theo quy hoạch; hạ tầng khung đô thị đại học; triển khai xây dựng các đoạn còn lại của tuyến đường song song đường sắt Hà Nội - Lào Cai theo quy hoạch được duyệt; xây dựng tuyến đường trục giao thông và cảnh quan Bắc - Nam đô thị Vĩnh Phúc, cầu Vĩnh Phú;... đến năm 2030 khép kín các đường vành đai; mở rộng, nâng cao chất lượng các tuyến đường tỉnh lộ, các tuyến đường kết nối giữa các đô thị với các khu, cụm công nghiệp, với cảng hàng không quốc tế, các cảng đường sông. Từng bước thực hiện việc nhựa hóa các tuyến đường liên thôn.

(2) Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống vận tải hiện có; Nghiên cứu và mở rộng các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh kết nối với các khu công nghiệp, khu du lịch, các trung tâm đô thị và một số tỉnh lân cận đáp ứng nhu cầu đi lại của người lao động và nhân dân.

2.15. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu UBND tỉnh triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống chính quyền điện tử đảm bảo đến năm 2025, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; 90% hồ sơ công việc tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã xử lý trên môi trường mạng.

(2) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế chính sách triển khai xây dựng , phát triển mạng lưới bưu chính , viễn thông, công nghệ thông tin của tỉnh theo hướng hiện đại, đạt mức tiên tiến so với các tỉnh , thành trong cả nước , đến năm 2025 ổn định 190 điểm phục vụ bưu chính. Ngầm hóa mạng viễn thông , tiếp tục cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông; xây dựng hoàn chỉnh về cơ bản cơ sở vật chất và kỹ thuật, kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông, đầu tư trang thiết bị phần cứng, các ứng dụng phần mềm bảo đảm tính kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu;... Đến năm 2025, trên 80% người dân sử dụng Internet; trên 70% tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng; trên 30% người dùng di động sử dụng dịch vụ thanh toán di động. Chính quyền điện tử cơ bản hoàn chỉnh ở 3 cấp và nằm trong top 15 cấp tỉnh, thành phố dẫn đầu. Tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển các dịch vụ tài chính như: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm y tế;

(3) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư nâng cao chất lượng các dịch vụ viễn thông, truyền hình cáp, hệ thống đài truyền thanh cấp xã, thiết lập bảng tin điện tử công cộng, thông tin cơ sở, báo chí, xuất

bản, internet... để mọi người dân có thể tiếp cận dễ dàng với chi phí thấp đáp ứng nhu cầu thông tin giải trí của người dân.

(4) Tăng cường tổ chức các khóa đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin cho người dân nhằm khai thác hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, để đến năm 2025 trên 75% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống chính quyền điện tử.

2.16. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham gia ý kiến, thẩm định có chất lượng các Văn bản QPPL của tỉnh liên quan phục vụ nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân.

(2) Tham mưu UBND tỉnh, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước nhằm phục vụ yêu cầu nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân.

2.17. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Vĩnh Phúc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng công khai, hướng dẫn quy trình, thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vay vốn sản xuất, kinh doanh; khuyến khích các ngân hàng thương mại tăng mức dư nợ tín dụng cho các doanh nghiệp vay ưu đãi nhất là đối với vốn trung hạn và dài hạn cho các doanh nghiệp đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ; đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu; doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp dịch vụ du lịch. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận nguồn lực để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

(2) Chỉ đạo và hướng dẫn các Ngân hàng thương mại triển khai thực hiện các gói hỗ trợ tài chính theo quy định của pháp luật cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì, ổn định sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững.

2.18. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các Khu Công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo quỹ đất cho các nhà đầu tư thuê thực hiện dự án; Tham mưu quy hoạch mới KCN hoặc thành lập các KCN mới phải gắn kết với quy hoạch các khu dân cư, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho người thu nhập thấp và các hệ thống cơ sở hạ tầng kèm theo để đảm bảo cho người lao động có nhà ở, đồng thời kích thích tiêu dùng phát triển kinh tế địa phương; Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách định phát triển khu công nghiệp. Trong đó, quy định phải bố trí quỹ đất để thu hút các dự án đầu tư có chọn lọc theo hướng ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng lớn để sẵn sàng thu hút nhà đầu tư khi đến tìm hiểu về môi trường đầu tư tại tỉnh.

(2) Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

(3) Thực hiện đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ban các thông tin hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, nhà đầu tư để cung cấp thông tin kịp thời về các chính sách hỗ trợ của nhà nước, của tỉnh cho nhà đầu tư/doanh nghiệp có nhu cầu tìm hiểu. Hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ quy trình/thủ tục cho nhà đầu tư/doanh nghiệp tiếp cận các chương trình/chính sách hỗ trợ này.

(4) Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, giải quyết vướng mắc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh tạo điều kiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp phát triển.

2.19. Liên đoàn lao động tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện:

(1) Tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng các khu/điểm vui chơi giải trí công cộng cho người lao động đảm bảo có không gian vui chơi, rèn luyện sức khỏe và an toàn. Đặc biệt quan tâm xây dựng, hoàn thiện khu thiết chế văn hóa dành cho người lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh.

(2) Chủ trì, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, pháp luật công đoàn và các quy định pháp luật có liên quan cho công nhân lao động tại các doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp; tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tội phạm, ma túy và các tệ nạn xã hội cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp; tư vấn pháp luật, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức chính trị cho công nhân lao động, đoàn viên công đoàn.

2.20. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc, Báo Vĩnh Phúc, Công thông tin giao tiếp điện tử tỉnh thực hiện:

(1) Xây dựng kế hoạch thực hiện tuyên truyền về các nội dung của Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Tỉnh ủy. Tăng cường cung cấp thông tin về giá cả, thị trường, sản lượng đầu ra của các sản phẩm nông nghiệp địa phương cho người dân một cách kịp thời.

(2) Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề,... tuyên truyền rộng rãi các cơ chế, chính sách và quy định của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh trong việc tạo lập môi trường thuận lợi cho mọi người dân có cơ hội để tự cải thiện điều kiện kinh tế, nâng cao thu nhập. Đồng thời, biểu dương những điển hình tiên tiến để mọi tầng lớp nhân dân hiểu rõ và tích cực nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh để nâng cao thu nhập. Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, ý thức tự lực tự cường phấn đấu vươn lên thoát nghèo, làm giàu cho gia đình, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của các dân tộc trong tỉnh.

2.21. Các Sở, ngành khác:

(1) Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Trong đó, tập trung rà soát, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách thuộc ngành, lĩnh vực theo dõi, phụ trách phù hợp theo quy định hiện hành nhằm sử dụng hiệu quả và phát huy tối đa các nguồn lực trong và ngoài tỉnh để thực hiện phát triển kinh tế xã hội nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết.

(2) Rà soát các điều kiện đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho nhà đầu tư; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm thông tin thông suốt, minh bạch; giải quyết kịp thời những vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình thành lập và triển khai dự án; Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2.22. UBND các huyện, thành phố:

(1) Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Trong đó, tập trung rà soát, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách nhằm sử dụng hiệu quả và phát huy tối đa các nguồn lực trong và ngoài tỉnh để thực hiện phát triển kinh tế xã hội nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết.

(2) Rà soát các điều kiện đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho nhà đầu tư; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm thông tin thông suốt, minh bạch; giải quyết kịp thời những vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình thành lập và triển khai dự án; Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

(3) Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể và hộ kinh doanh cá thể, coi đây là một trong những giải pháp chính để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập người dân. Phân đấu năm 2025 có khoảng 50.000 hộ kinh doanh cá thể được cấp mã số thuế và hoạt động.

(4) Tăng cường kiểm tra, giám sát các nguồn nước thải có dấu hiệu ô nhiễm nguồn nước do xả thải của hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất trong khu, cụm dân cư và trên địa bàn; phát hiện ngăn chặn, xử lý kịp thời đối với các vi phạm về bảo vệ môi trường. Kiên quyết xử lý nghiêm khắc, đình chỉ việc xả thải gây ô nhiễm môi trường; buộc di dời hoặc cưỡng chế di dời đối với các cơ sở sản xuất đang gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường ra khỏi các khu dân cư.

2.23. Các tổ chức hội, đoàn thể chính trị xã hội

(1) Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tạo sự hưởng ứng tham gia của người dân trong việc tham gia các dự án phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, nhất là công tác giải phóng mặt bằng triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn, qua đó nâng cao đời sống người dân vì sự phát triển chung của tỉnh.

(2) Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Liên hiệp Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên: thực hiện việc ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

(3) Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp,... trong phát triển nguồn nhân lực; phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

(4) Phát huy vai trò, trách nhiệm trong công tác giám sát, phản biện xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng đối với quá trình xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm thực hiện các mục tiêu, giải pháp đưa ra trong kế hoạch, nhất là những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân.

(5) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại thông qua liên kết xúc tiến thương mại giữa các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, trong và ngoài nước; Tăng cường khảo sát trực tiếp tại các doanh nghiệp (mỗi quý/lần và khảo sát chuyên đề khi cần thiết) để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nắm bắt đề xuất của doanh nghiệp, kịp thời báo cáo UBND tỉnh.

2.24. Nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp, người dân trong việc nâng cao thu nhập và phúc lợi người dân Vĩnh Phúc

(1) Các doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với khả năng và nhu cầu thị trường, tích cực khai thác các nguồn thông tin và kiến thức cần thiết phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp; quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ của người quản lý và người lao động; chú trọng áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến và nâng cao tính minh bạch trong quản trị nội bộ doanh nghiệp.

(2) Chủ động liên kết, liên doanh giữa các doanh nghiệp; giữa doanh nghiệp với các hội, hiệp hội và tổ chức liên quan để cùng nhau khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, khai thác tối đa năng lực của từng doanh nghiệp và sức mạnh của sự hợp tác phát triển trong nền kinh tế thị trường.

(3) Nâng cao hiểu biết về pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng văn hóa, đạo đức kinh doanh của doanh nhân Việt Nam: kinh doanh trung thực, đúng pháp luật, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng và ý thức bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống người lao động; xây dựng và củng cố tín nhiệm đối với khách hàng nhằm phát triển bền vững, có hiệu quả và không ngừng tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

(4) Người dân chủ động, tích cực huy động nguồn lực đầu tư sản xuất kinh doanh để làm giàu cho bản thân và cho xã hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao:

(1) Thực hiện rà soát, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, theo dõi, phụ trách để triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Tỉnh ủy cho giai đoạn 2021-2025 (nhiệm vụ giao cụ thể tại các phụ lục kèm theo Kế hoạch này), đảm bảo theo đúng thời gian quy định.

(2) Coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cơ quan, đơn vị mình. Phải xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện của cơ quan, đơn vị mình trong từng giai đoạn, cụ thể cho hàng năm với các mục tiêu và giải pháp cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đồng thời, lấy đây là tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cấp, các ngành. Coi nhiệm vụ nâng cao thu nhập và phúc lợi cho người dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, đặt người dân vào vị trí vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của chính sách.

(3) Thực hiện nghiêm công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, nỗ lực của các ngành, các cấp và nhân dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020. Tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về các nhiệm vụ được phân công.

(4) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 và Kế hoạch này.

(5) Chế độ báo cáo: Thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm (Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và các nội dung cụ thể theo Kế hoạch này gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh).

2. Giao Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc: Định kỳ hàng năm tổ chức điều tra, khảo sát thu thập thông tin số liệu thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Tỉnh ủy để có cơ sở, căn cứ đánh giá hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và đề xuất báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh, công thông tin đối thoại doanh nghiệp chính quyền đăng tải Nghị quyết, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết để các tổ chức, cá nhân được biết.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 12- NQ/TU ngày 12/3/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân Vĩnh Phúc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh (p/h);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn;
- Các huyện ủy, thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các hiệp hội của tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT.
- (Đ- b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Trì